

Ngày	45,350 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.5%	11.2%	7.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	40,000 - 50,442
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,199
Số lượng CPLH (CP)	92,597,264
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,151,540
Sở hữu nước ngoài	48.0%
Beta	0.36
EPS	1,507
P/E	30.1

DT thuần

Q1/24

934

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 119| 14.6%

YoY: ▲ 58.0| 6.6%

LN trước thuế

Q1/24

78.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.1| 134%

YoY: ▲ 7.20| 10.1%

LN sau thuế

Q1/24

62.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.2| 180%

YoY: ▲ 7.60| 13.9%

ROA

2023

3.9%

+/- YoY: ▼ 4.0%

DT thuần

2023

3,325

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,012| -23.3%

LN trước thuế

2023

189

tỷ VNĐ

YoY: ▼161| -46.1%

LN sau thuế

2023

134

tỷ VNĐ

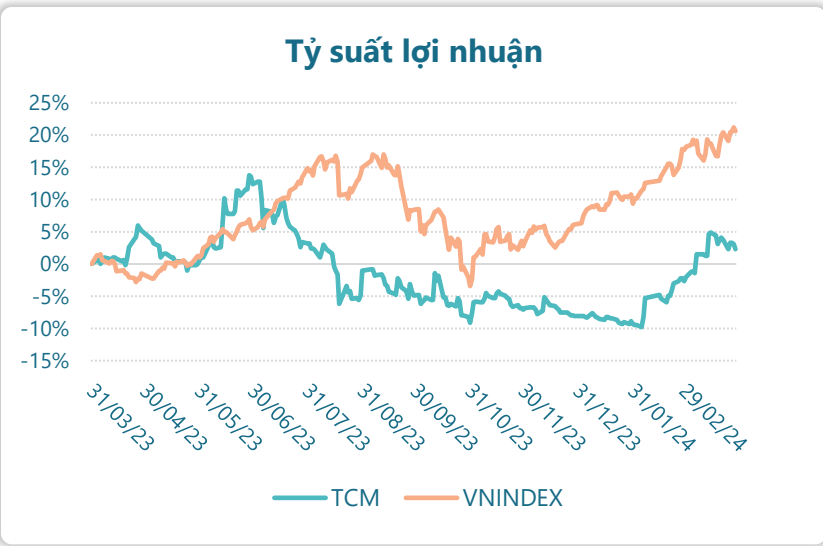
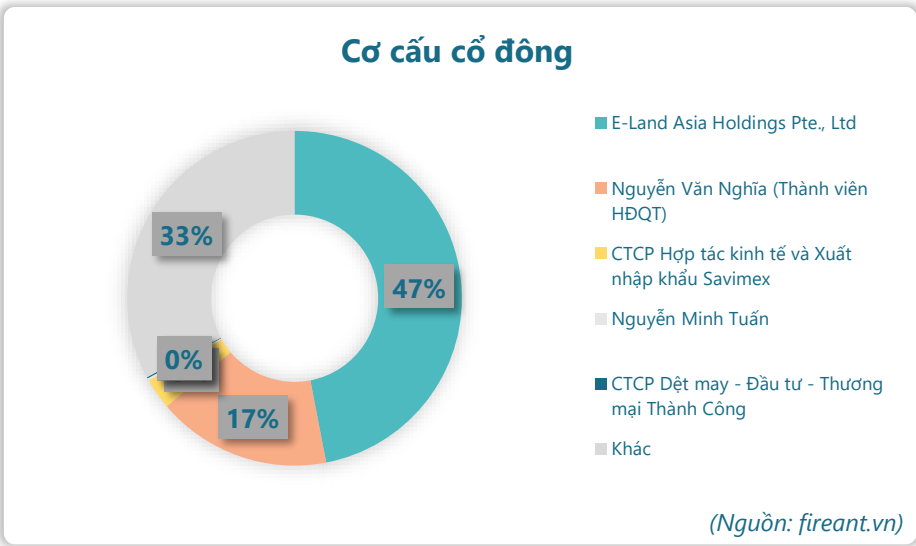
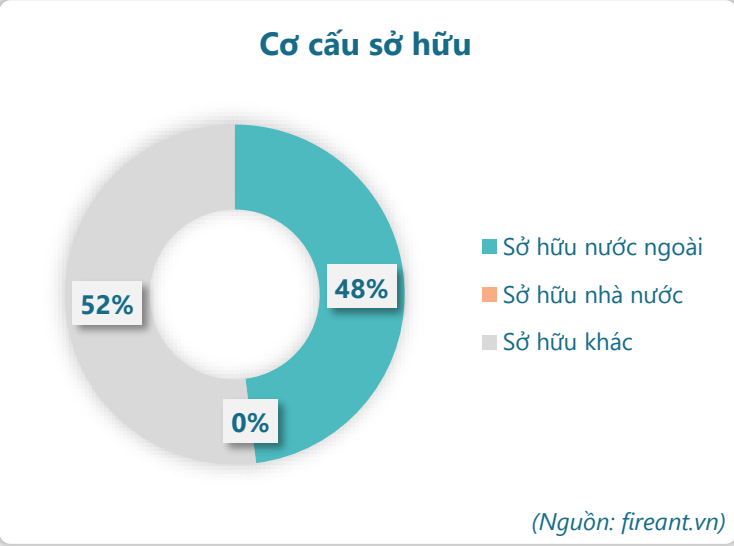
YoY: ▼147| -52.4%

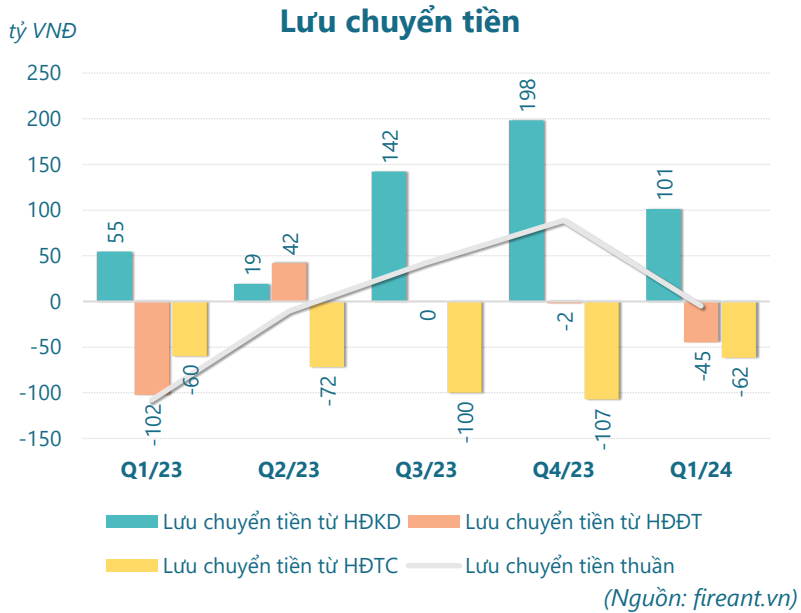
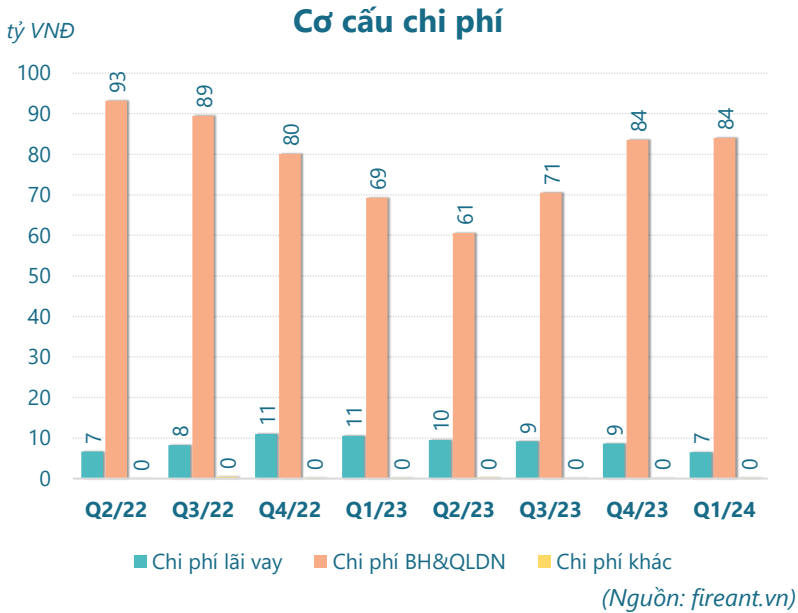
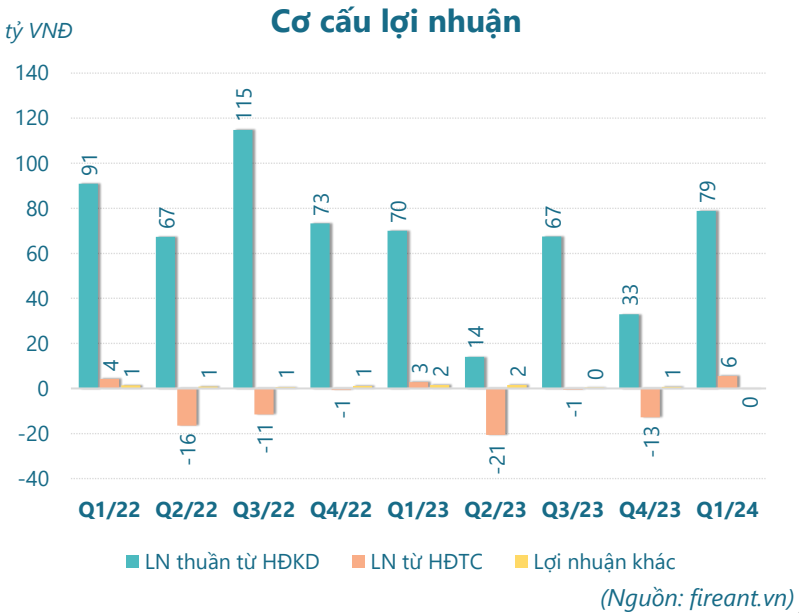
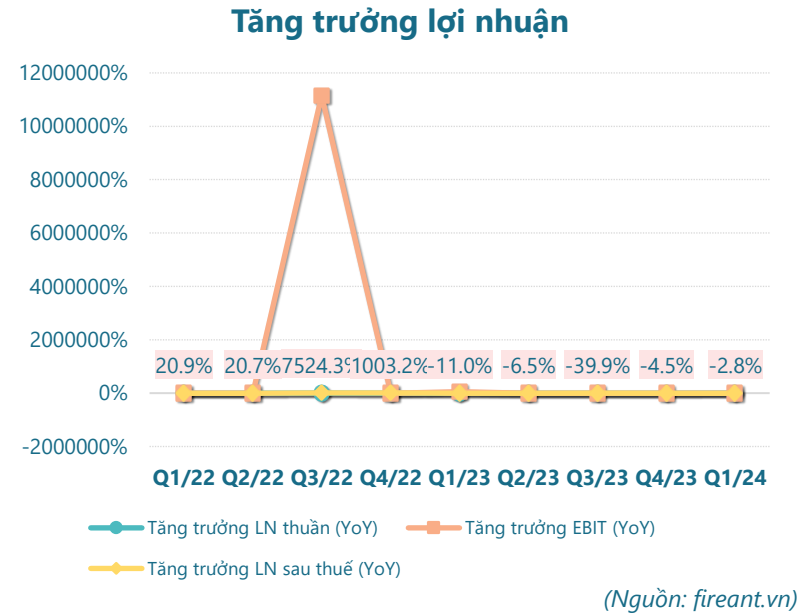
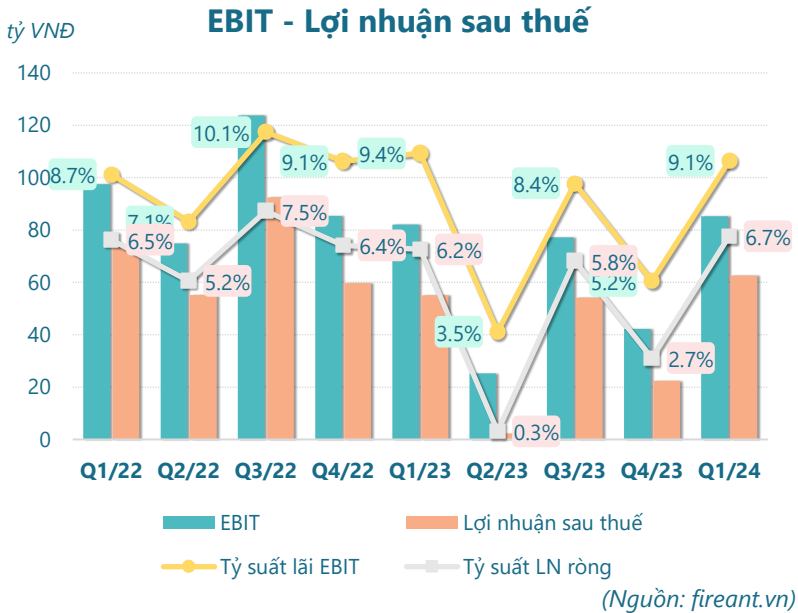
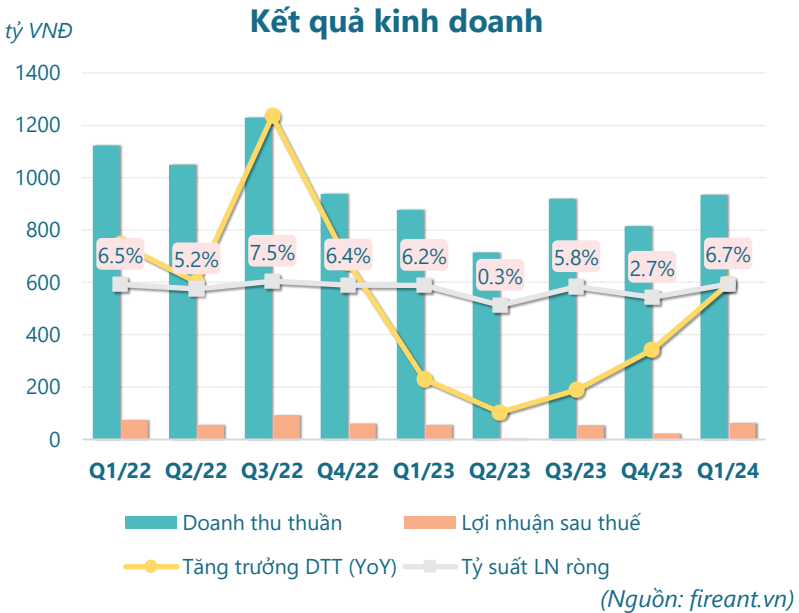
ROE

2023

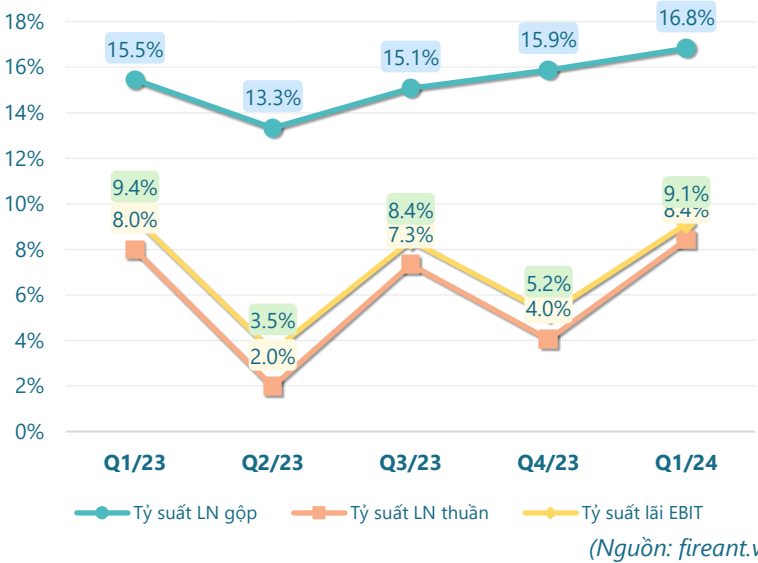
6.6%

+/- YoY: ▼ 8.5%

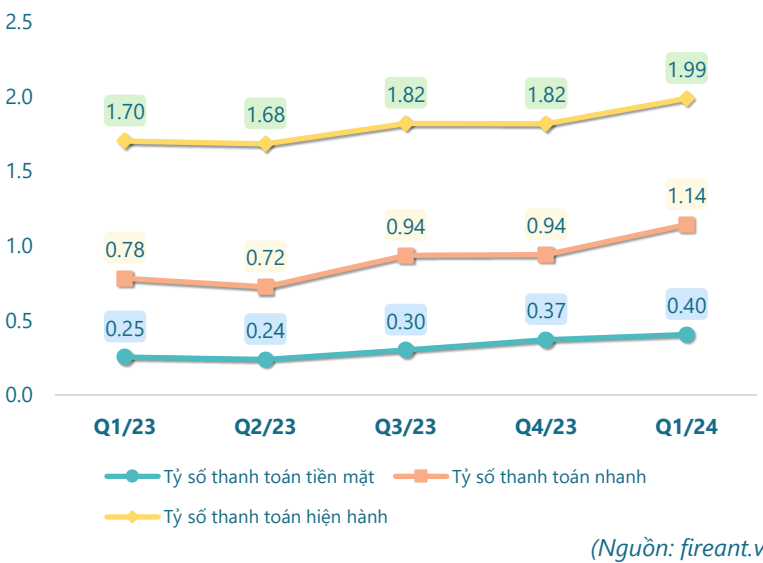




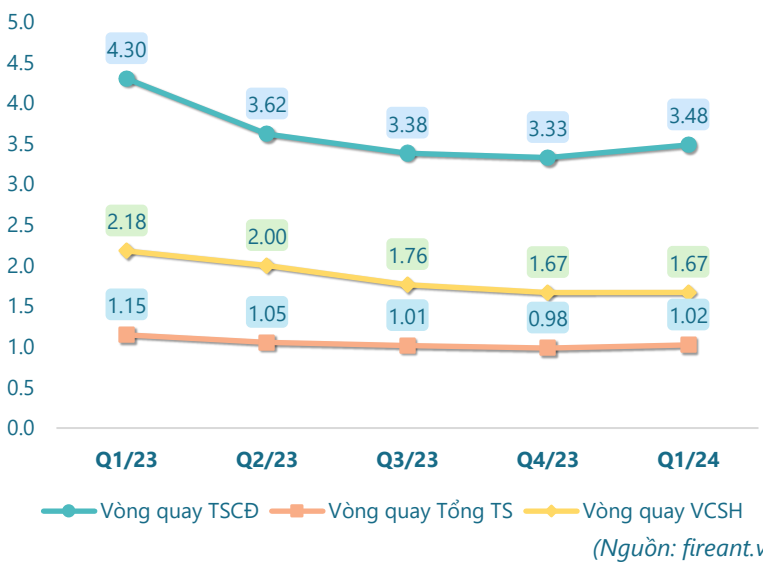
Tỷ suất lợi nhuận



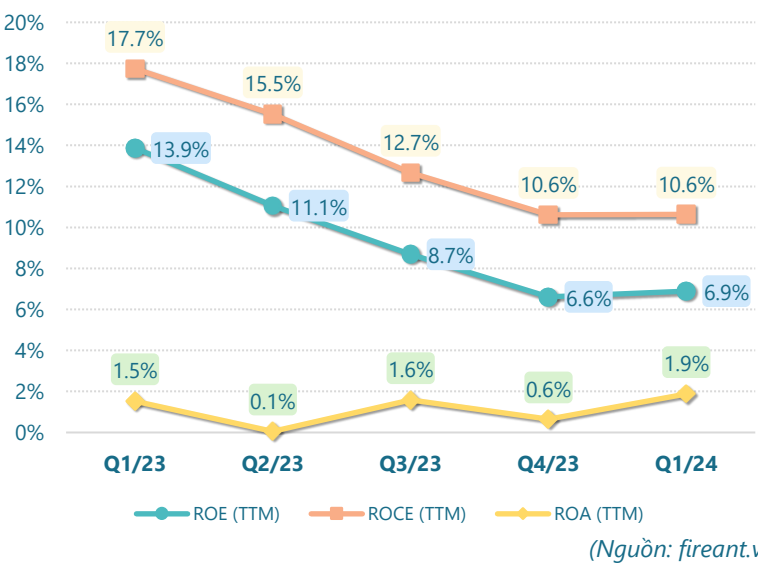
Chỉ số thanh khoản



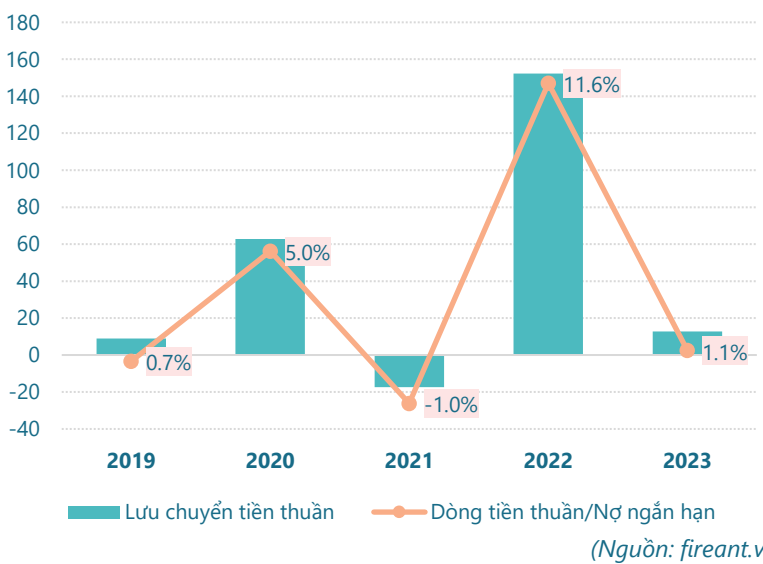
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

